

**THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
CHÍNH QUY NĂM 2017
(KÝ HIỆU TRƯỜNG: VLU)**

I. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY: Chỉ tiêu tuyển sinh 2000.

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

3. Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/4/2017

4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

4.1 Phương thức 1: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia

a) Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi THPT quốc gia năm 2017. Điểm xét tuyển là tổng điểm thi THPT quốc gia năm 2017 của các môn thi theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên.

- Mỗi thí sinh được đăng ký nhiều ngành đào tạo của trường, xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Theo quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GDĐT.

c) Nguyên tắc: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT

ĐXT=Điểm THPT_{môn 1} + Điểm THPT_{môn 2} + Điểm THPT_{môn 3} + Điểm_{ưu tiên}

Riêng đối với ngành giáo dục mầm non (GDMN):

ĐXT=Điểm THPT_{môn 1} + Điểm THPT_{môn 2} + 2*Điểm_{năng khiếu} + Điểm_{ưu tiên}

Trong đó

ĐXT: điểm xét tuyển;

Điểm THPT_{môn 1, môn 2, môn 3}: là điểm thi THPT quốc gia của các môn trong tổ hợp xét tuyển;

Điểm_{năng khiếu}: Hát; Đọc-Kể diễn cảm

Điểm_{ưu tiên}: Được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2 Phương thức 2: xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT (theo học bạ)

a) Điều kiện nhận đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Điểm tối thiểu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào 18.0 điểm của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển cả 3 năm bậc THPT (lớp 10, 11, 12);

* Riêng đối với ngành GDMN thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy trình tiêu chí tuyển sinh năng khiếu ngành GDMN của Trường. Môn năng khiếu ngành GDMN (nhân hệ số 2) gồm: Hát; Đọc-Kể diễn cảm. Khi xét có quy định điểm sàn môn năng khiếu.

- Mỗi thí sinh được đăng ký nhiều ngành đào tạo của trường, xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống.

b) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và có tổng điểm trung bình cả ba năm THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên. Điểm ưu tiên cộng vào xét tuyển những thí sinh đạt ngưỡng đầu vào xét tuyển theo quy định.

c) Nguyên tắc xét tuyển: Xét điểm từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

d) Cách tính điểm xét tuyển theo học bạ THPT

$X_t = \sum_{i=1}^3 M_i + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$

Riêng ngành GDMN : $X_t = \sum_{i=1}^2 M_i + 2 * \text{Điểm}_{\text{năng khiếu}} + \text{Điểm}_{\text{ưu tiên}}$

Trong đó:

- X_t : Điểm xét tuyển được làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

- M_i : Điểm trung bình 3 năm lớp 10, 11, 12 của môn thứ i, tính theo công thức:

$$M_i = \frac{M_{10i} + M_{11i} + M_{12i}}{3}$$

- + Với M_{10i} = Điểm trung bình môn i của năm lớp 10, không làm tròn số.
- + Với M_{11i} = Điểm trung bình môn i của năm lớp 11, không làm tròn số.
- + Với M_{12i} = Điểm trung bình môn i của năm lớp 12, không làm tròn số.
- Điểm ưu tiên: Được tính theo quy định trong quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.3 Phương thức 3: tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long thực hiện chính sách tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng vào hệ đại học SPKT (*miễn 100% học phí*) theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thêm một số quy định của trường như sau:

Đối tượng và điều kiện được tuyển thẳng

- Học sinh tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2017 ;
- Học lực cả năm lớp 12 đạt loại giỏi (*riêng đối với các trường THPT chuyên đạt loại khá trở lên*);
- Hạnh kiểm cả năm lớp 12 đạt loại khá trở lên;

5. Ngành đào tạo và tổ hợp môn xét tuyển

BẢNG 1: các ngành đào tạo đại học chính quy

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/ Mã tổ hợp	Chỉ tiêu % tối thiểu phương thức 1	Chỉ tiêu % tối đa phương thức 2
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D510203	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D510303	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
3	Công nghệ chế tạo máy	D510202	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D510301	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D510201	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
6	Công nghệ thông tin	D480201	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	D510205	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	100%	/
8	Công nghệ thực phẩm	D540101	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
9	Thú y	D640101	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển/ Mã tổ hợp	Chỉ tiêu % tối thiểu phương thức 1	Chỉ tiêu % tối đa phương thức 2
10	Công tác xã hội	D760101	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Lịch sử, GDCD (C19)	60%	40%
11	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	D510206	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
12	Công nghệ sinh học	D420201	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
13	Công nghệ kỹ thuật giao thông	D510104	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)	60%	40%
14	Giáo dục mầm non	D140201	(1) Toán, Văn, Năng khiếu (M00) (2) Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu	50%	50%
15	Du lịch	D220113	(1) Văn, Sử, Địa (C00) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Lý, Hóa (A00) (4) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	50%	50%
16	Luật	D380101	(1) Văn, Sử, Địa (C00) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Lý, Hóa (A00) (4) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	50%	50%
17	Luật kinh tế	D380107	(1) Văn, Sử, Địa (C00) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Lý, Hóa (A00) (4) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	50%	50%
18	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205	(1) Văn, Sử, Địa (C00) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Lý, Hóa (A00) (4) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	50%	50%
19	Báo chí	D320101	(1) Văn, Sử, Địa (C00) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Toán, Lý, Hóa (A00) (4) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01)	50%	50%
Tổng chỉ tiêu 2000					

6. Hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo quy định và lịch tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CAO ĐẲNG CHÍNH QUY: Chỉ tiêu tuyển sinh **720**.

1. Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

2. Đối tượng xét tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4. Điều kiện xét tuyển

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 đạt từ 5.0 trở lên;
- Xét từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu;
- Nguyên tắc xét tuyển: Trong cùng đợt xét tuyển, ưu tiên xét nguyện vọng 1 cho tất cả các thí sinh, nguyện vọng 2 xét sau khi hoàn tất xét nguyện vọng 1.

5. Ngành, nghề đào tạo

BẢNG 2: Các ngành đào tạo cao đẳng chính quy

TT	Tên ngành, nghề	Mã ngành	Ghi chú
	Thiết kế đồ họa	50210417	Xét tuyển học bạ THPT và bằng tốt nghiệp THPT
	Kế toán doanh nghiệp	50340301	
	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	50340402	
	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	50480101	
	Tin học văn phòng	50480201	
	Quản trị cơ sở dữ liệu	50480205	
	Quản trị mạng máy tính	50480206	
	Thiết kế và quản lý Website	50480207	
	Công nghệ thông tin (<i>ứng dụng phần mềm</i>)	50480209	
	Cắt gọt kim loại	50510201	
	Công nghệ hàn	50510203	
	Kỹ thuật máy nông nghiệp	50510211	
	Công nghệ kỹ thuật ô tô	50510222	
	Sửa chữa máy tàu thủy	50510225	
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	50510270	
	Công nghệ chế tạo máy	50510272	
	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	50510277	
	Điện công nghiệp	50510302	
	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	50510339	
	Cơ điện tử	50510343	
	Điện tử công nghiệp	50510345	
	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	50510370	
	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	50510375	
	Chế biến thực phẩm	50540101	
	Công nghệ thực phẩm	50540125	
	Thú y	50640201	
	Công tác xã hội	50760101	
	Công nghệ sinh học	50420201	
	Công nghệ kỹ thuật giao thông	51519001	
	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	51519003	
	Du lịch (Hướng dẫn du lịch)	50810101	
	Luật (Dịch vụ pháp lý)	51380101	
	Luật kinh tế (Công chứng)	51380107	
	Báo chí	50320101	
	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	50580202	
	TỔNG CHỈ TIÊU 720		

6. Hồ sơ đăng ký và thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Theo quy định và lịch tuyển sinh ĐH, CĐ của Bộ LĐTĐ&XH.

Theo luật GDNN những nhóm ngành kỹ thuật tốt nghiệp được công nhận danh hiệu **Kỹ sư thực hành**; những nhóm ngành còn lại (*kinh tế, dịch vụ,...*) được công nhận danh hiệu **Cử nhân thực hành**.

III. PHƯƠNG THỨC, ĐỊA ĐIỂM NỘP HỒ SƠ:

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các phương thức sau:

1. Nộp hồ sơ qua đường bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh
2. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm tư vấn tuyển sinh của trường
3. Đăng ký xét tuyển online theo địa chỉ [http:// www.vlute.edu.vn](http://www.vlute.edu.vn)

Địa chỉ liên hệ:

Trung tâm Tư vấn tuyển sinh của trường Đại học SPKT Vĩnh Long

Số 73 Nguyễn Huệ, phường 2, Tp Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại liên lạc: 070 386 2456, 070 382 0203

Email: tuyensinh@vlute.edu.vn; Website: www.vlute.edu.vn

IV. CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN.

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học và cao đẳng do Bộ GD&ĐT và Bộ LĐTB&XH ban hành; thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển. Ngoài ra, các sinh viên trúng tuyển vào trường ĐHSPKT Vĩnh Long được hưởng thêm các ưu tiên sau:

1. Học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP và miễn học phí 100% cho sinh viên trúng tuyển bậc ĐHSPKT;
2. Miễn học phí năm học 2017-2018 đối với sinh viên trúng tuyển vào trường có hộ khẩu tại các tỉnh Nam Trung Bộ chịu ảnh hưởng lũ lụt năm 2016
3. Xét cấp học bổng từng học kỳ đối với sinh viên loại khá, giỏi trở lên;
4. Được hưởng trợ cấp xã hội và ưu đãi giáo dục theo quy định của Nhà nước;
5. Được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự và hỗ trợ thủ tục vay vốn học tập;
6. Được tư vấn giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động sau khi ra trường.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .

1. Chương trình đào tạo hiệu quả, đáp ứng thị trường lao động trong và ngoài nước;
2. Trường Đại học duy nhất trên toàn quốc sinh viên tốt nghiệp ra trường phải đạt chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3/5;
3. Được đào tạo Tiếng Nhật và giới thiệu việc làm tại Nhật Bản sau khi tốt nghiệp ra trường;